

THE CONTRIBUTIONS AND ROLES OF THE PEOPLE IN THAI NGUYEN, TUYEN QUANG PROVINCE TO THE SETTING UP OF THE VIET BAC BASE (1945 - 1954)

Nguyen Van Duc

Academy of Politics region I

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	31/3/2022	Thai Nguyen and Tuyen Quang were the centers of the Viet Bac base in the period of 1945 - 1954. During the resistance war against the French colonialists, the people of the two provinces of Thai Nguyen and Tuyen Quang played a great role and contributed in terms of human and material strength to the resistance war. The article outlines the process of building and developing the Viet Bac base, focusing on analyzing the role and contribution of the people of Thai Nguyen and Tuyen Quang provinces to the construction of the Viet Bac base. By using historical, logical, statistical, and analytical research methods, the study has clarified the contributions and roles of the people of the two provinces of Thai Nguyen and Tuyen Quang to the construction of Viet Bac base. These roles and contributions made an important contribution to bringing our people's resistance war against the French colonialists (1945 - 1954) to victory.
Revised:	12/5/2022	
Published:	12/5/2022	
KEYWORDS		
Roles		
Contributions		
Thai Nguyen province		
Tuyen Quang province		
Viet Bac base		

VAI TRÒ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN, TUYEN QUANG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC (1945 - 1954)

Nguyễn Văn Đức

Học viện Chính trị khu vực I

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	31/3/2022	Thái Nguyên và Tuyên Quang là trung tâm của căn cứ địa Việt Bắc giai đoạn 1945 - 1954. Trong suốt quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang có vai trò và đóng góp to lớn về sức người, sức của đối với cuộc kháng chiến. Bài báo khái quát quá trình xây dựng, phát triển căn cứ địa Việt Bắc, tập trung phân tích vai trò, đóng góp của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, logic, thống kê, phân tích, bài nghiên cứu đã làm rõ những đóng góp và vai trò của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Vai trò và những đóng góp trên, góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta (1945 - 1954) đi đến thắng lợi.
Ngày hoàn thiện:	12/5/2022	
Ngày đăng:	12/5/2022	
TỪ KHÓA		
Vai trò		
Đóng góp		
Thái Nguyên		
Tuyên Quang		
Việt Bắc		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5789>

Email: quangduc87@gmail.com

1. Giới thiệu

Nghiên cứu làm rõ vai trò và đóng góp của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc (1945 - 1954), vấn đề này đã được nhiều nhà nghiên cứu cũng như các công trình khoa học đề cập đến như: Nguyễn Xuân Minh (2009), cuốn sách đã khái quát quá trình xây dựng, bảo vệ ATK Trung ương và vai trò của ATK Trung ương đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc [1]. Hoàng Tung (2016), công trình tập trung phân tích, làm rõ vị trí, vai trò của Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược [2]. Nguyễn Mạnh Hà (2021) đã làm rõ tầm nhìn chiến lược của Trung ương Đảng cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn Tuyên Quang làm căn cứ địa cách mạng, nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo kháng chiến [3]. Bùi Thị Thu Thủy (2020), làm rõ vai trò của An toàn khu Định Hóa trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 [4]. Lê Minh Huy (2016), bài viết tập trung phân tích những đóng góp của nhân dân Việt Bắc đối với An toàn khu trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến diễn ra [5]. Trần Thị Minh Huệ (2015) trình bày về quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng ATK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang [6]. Hồ Mậu Dũng (2019) làm rõ việc xây dựng bộ đội chủ lực trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1946 đến năm 1954 trong đó có địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang [7]. Hồ Mậu Dũng (2019), bài báo phân tích làm rõ việc xây dựng bộ đội chủ lực trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1946 đến năm 1954 trong đó có địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang [8]. Nguyễn Thị Dung Huyền (2017) làm rõ những đóng góp của nhân dân các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947 [9]. Đặng Văn Duy (2019) đề cập đến những đóng góp của nhân dân Thái Nguyên đối với chiến dịch Biên giới Thu – Đông năm 1950 [10]. Nguyễn Bình Khiêm (2016), bài viết làm rõ những đóng góp của nhân dân Việt Bắc trong đó có Thái Nguyên và Tuyên Quang đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược [11]. Những công trình khoa học trên đã đề cập đến quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng Việt Bắc cũng như vai trò và đóng góp của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc ở từng thời điểm lịch sử trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Vì vậy, bài báo đi sâu, tập trung phân tích làm rõ vai trò và đóng góp của nhân dân Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc giai đoạn (1945 - 1954). Thông qua việc nghiên cứu sẽ cung cấp thêm những tư liệu lịch sử khẳng định vai trò và những đóng góp của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện bài báo, tác giả đã sử dụng chủ yếu phương pháp lịch sử, phương pháp logic để nghiên cứu các tài liệu và làm rõ những vấn đề liên quan. Cùng với đó, tác giả cũng sử dụng các phương pháp khác như: thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu để làm rõ vai trò và đóng góp của nhân dân Thái Nguyên và Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc (1945 - 1954).

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Quá trình xây dựng và phát triển của căn cứ địa Việt Bắc

“Việt Bắc là tên gọi một vùng lãnh thổ thuộc một phần thượng du và trung du Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang. Khu vực ngoại vi gồm một số địa phương thuộc địa phận các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Yên Bái và Bắc Giang” [1, tr.27]. “Việt Bắc có diện tích tự nhiên khoảng 32.991 km², trong đó rừng núi chiếm tới hơn 90% diện tích của vùng” [1, tr. 27]. Với vị trí địa lý này, thuận lợi cho việc giao thông, đi lại giữa các địa phương trong khu vực Việt Bắc cũng như các vùng lân cận xung quanh. Đây là địa bàn cơ động về mặt chiến lược, thông qua hệ thống các con đường mòn, đường nhỏ xuyên rừng, phong trào cách mạng Việt Nam có thể dễ dàng liên lạc với quốc tế, mà trước hết là

cách mạng Trung Quốc. Từ Việt Bắc phong trào cách mạng có thể mở rộng sang hướng Tây, qua Tây Bắc để liên lạc với cách mạng Lào. Ở hướng Đông, Việt Bắc nối liền với rừng núi Quảng Ninh, Đông Triều, xuống tận miền duyên hải. Về phía Nam, Việt Bắc áp sát thủ đô Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, xét về mặt quân sự, Việt Bắc là nơi dụng binh hết sức thuận lợi và quan trọng.

Việt Bắc nói chung và hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang nói riêng có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến, tự cung tự cấp. Những nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có ấy đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu vật chất cho cuộc kháng chiến, đảm bảo lương thực cho lực lượng kháng chiến có thể tồn tại và phát triển. Đối với Việt Nam trong điều kiện kinh tế hàng hóa, giao thông chưa phát triển, lại bị bao vây, cô lập thì những ưu đãi của điều kiện tự nhiên và nền kinh tế tự cung tự cấp ở Việt Bắc trong chừng mực nhất định nào đó, có tác dụng to lớn đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta [2, tr. 19].

Sinh sống, định cư trong khu vực Việt Bắc có trên 30 dân tộc anh em với dân số trên 1.200.000 người (tính đến trước cách mạng Tháng Tám năm 1945). Các dân tộc ở đây, có văn hóa, phong tục, tập quán, lối sống riêng nhưng sinh sống xen kẽ với nhau trong cùng một khu vực thể hiện tinh thần đoàn kết trong lao động sản xuất cũng như đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Việt Bắc cũng là cái nôi của phong trào cách mạng, ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, các huyện Định Hóa, Đại Từ của Thái Nguyên, Sơn Dương, Yên Sơn của Tuyên Quang cũng sớm hình thành các cơ sở cách mạng của Đảng [1, tr. 274].

Trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), Việt Bắc là nơi xuất hiện những căn cứ địa đầu tiên, tạo thế đứng cho phong trào cách mạng cả nước. Cuối năm 1940 căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai được hình thành và nhanh chóng mở rộng ra các vùng xung quanh của Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Giang. Đầu năm 1941 căn cứ địa Cao Bằng cũng được thành lập và nhanh chóng mở rộng về ở Bắc Kạn, Lạng Sơn. Cuối năm 1943, hai căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng được nối liền với nhau tạo thành một khu liên hoàn vững chắc. Cùng với đó, chiến khu Hoàng Hoa Thám cũng được thành lập trong khoảng thời gian này. Các vùng Đại Từ, Định Hóa, Sơn Dương dần trở thành trung tâm của phân khu B thuộc chiến khu Hoàng Hoa Thám. Ngày 4/6/1945 Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Trong Khu giải phóng, nhân dân được hưởng mọi quyền tự do, dân chủ do cách mạng đem lại, nên một lòng gắn bó với cách mạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, với tầm nhìn chiến lược sáng suốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân công đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số cán bộ ở lại Việt Bắc để xây dựng, củng cố căn cứ địa cách mạng. Cuối tháng 10/1946, Trường ban tài chính Trung ương Đảng Nguyễn Lương Bằng được giao nhiệm vụ trở lại Việt Bắc để chuẩn bị địa điểm xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Tháng 11/1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội công tác đặc biệt, do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội gồm đại biểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể chuyên lo việc nghiên cứu di chuyển và chọn địa điểm an toàn đặt các cơ quan Trung ương [3, tr. 10-15].

Giữa tháng 12/1946, một số cán bộ trong Đội công tác đặc biệt trở lại Việt Bắc làm nhiệm vụ, sau một thời gian khảo sát thực tế, Đội công tác quyết định chọn địa bàn các huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) làm nơi xây dựng an toàn khu (ATK) của Trung ương. Cũng trong thời gian này, các cơ quan Trung ương rời Hà Nội, lùi dần về phía Tây Nam thuộc địa phận các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây rồi chuyển dần lên căn cứ địa Việt Bắc. Cùng với đó, máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, lương thực, thực phẩm, hàng hóa... cũng được vận chuyển lên khu vực an toàn thuộc căn cứ địa Việt Bắc.

Đến đầu năm 1947, hầu hết các cơ quan của Trung ương Đảng, Chính Phủ, Mặt trận, Quân đội, Bộ Tổng tham mưu, các cơ quan kinh tế, văn hóa, giáo dục... được chuyển lên ATK Trung ương trong căn cứ địa Việt Bắc và hàng chục vạn nhân dân ở khắp nơi đã tản cư lên Việt Bắc.

Các đơn vị vũ trang cũng được ra đời và đóng quân tại đây như: Đại đoàn 308, trung đoàn 209, trung đoàn 147 (1949); trung đoàn pháo phòng không 367 (1953)... Các nhà máy, công binh xưởng cũng được đặt trong các cánh rừng của căn cứ địa Việt Bắc. Từ Việt Bắc đầu mỗi giao thông liên lạc với các vùng trong cả nước dần được hình thành [1, tr. 297].

Thái Nguyên và Tuyên Quang cũng là nơi Bác Hồ và các cơ quan Trung ương thường trú trong suốt quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). Chính từ nơi đây, mọi chủ trương, đường lối kháng chiến được ban hành và phát đi trong cả nước. Tháng 5/1947, Bác Hồ và Trung ương về Định Hóa (Thái Nguyên) để chỉ đạo cuộc kháng chiến. Năm 1951, Đại hội lần thứ II của Đảng được tổ chức tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang). Năm 1953 và năm 1954 tại căn cứ địa Việt Bắc (Phủ Định – Định Hóa – Thái Nguyên), Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị và Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm đánh bại thực dân Pháp xâm lược [4, tr. 85].

Như vậy, từ năm 1945 đến năm 1954 căn cứ địa Việt Bắc từng bước được xây dựng, củng cố và phát triển. Sự hình thành căn cứ địa Việt Bắc là bước chuẩn bị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cho đến ngày thắng lợi.

3.2. Vai trò và đóng góp của nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc

3.2.1. Vai trò của nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc

Cuối năm 1946, đầu năm 1947, trước khi Toàn quốc kháng chiến nổ ra, các cơ quan của Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Quân đội, các công xưởng được lệnh rút lên Việt Bắc. Thái Nguyên và Tuyên Quang dần trở thành trung tâm, thủ đô của cuộc kháng chiến. Trên dọc đường đi các cơ quan, đơn vị nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ to lớn của nhân dân địa phương Thái Nguyên và Tuyên Quang. Đồng bào các dân tộc của hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang tích cực tham gia vào việc di chuyển các cơ sở vật chất, kỹ thuật lên căn cứ địa Việt Bắc một cách an toàn. Nhân dân hai tỉnh đã đóng góp thuyền, bè, mảng ngược dòng sông Lô, sông Thao, sông Cầu... để vận chuyển hàng hóa. Các tuyến đường bộ, đường mòn xe trâu, ngựa thồ, xe bò, xe ngược đều được huy động để sử dụng. Từ những bản làng xa xôi, đồng bào đã tích cực cùng bộ đội, công nhân khiêng vác, gùi thồ, gồng gánh hàng hóa. Nhờ vậy, rất nhiều các loại máy móc, phương tiện, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm từ vùng xuôi được chở lên Việt Bắc một cách an toàn. Trong đó muối từ Văn Lý (Nam Định) theo nhiều đường được đưa lên Thái Nguyên, Tuyên Quang nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhân dân cũng như cán bộ kháng chiến [5, tr. 146-147].

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến nổ ra (20/12/1946), hơn 63 nghìn người dân ở khắp nơi đã tản cư lên Việt Bắc. Ủy ban tản cư, di cư cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã của hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang được thành lập, cùng với nhân dân trong tỉnh đón tiếp đồng bào tản cư, tận tình giúp đỡ để ổn định cuộc sống và tham gia lao động sản xuất phục vụ kháng chiến.

Để ngăn chặn bước tiến của địch, các tuyến đường như: quốc lộ 3, đường 13, đường 38 bị nhân dân băm nát nhằm ngăn bước tiến quân của kẻ thù. Hàng vạn các hố rãnh lược, hố chống tăng, hào chữ Chi được nhân dân đào khắp mọi nơi. Các cây cầu như Bắc Kạn, Giang Tiên, Chợ Mới, Nước Hai đều được nhân dân phá hủy. Nhân dân cũng tích cực cắm cọc vót chông để chống quân Pháp nhảy dù. Đồng bào sống ven sông Cầu, sông Lô, sông Công đã dựng kè chắn ngang nhiều đoạn để làm chậm sự hành quân của quân địch. Các cửa ngõ, lối mòn vào an toàn khu đều được canh gác và cảnh giới một cách nghiêm ngặt. Khẩu hiệu “ba không” (không nghe, không biết, không nói) được mọi người dân thực hiện nghiêm túc trở thành thói quen, nếp sống hàng ngày của đồng bào. Lực lượng dân quân du kích địa phương thường xuyên tuần tra, canh gác nhằm tránh quân địch tập kích bất ngờ. Năm 1947, nhờ tai mắt của nhân dân quân ta đã bắt được hàng chục tên Việt gian xâm nhập do thám vùng an toàn khu Trung ương. Đồng bào các dân tộc ở Bình Thuận, An Khánh, Hùng Sơn (Đại Từ - Thái Nguyên) đã giúp chính quyền bắt tên chánh

tổng Mùi, cai Liêu, tên Mười và vận động được 25 tên khác làm tay sai cho Pháp ra đầu hàng. Cùng với đó chiến khu Việt Bắc cũng xây dựng các vành đai bảo vệ. Vành đai trong từ Thành Cốc (Sơn Dương) qua Chợ Chu, Quảng Nạp, Văn Lang đến Tuyên Quang. Vành đai ngoài từ Chiêm Hóa, thị xã Tuyên Quang, đèo Khế, Đại Từ, Bờ Đậu, Chợ Mới đến Chợ Đồn. Các chiến sĩ, bộ đội làm nhiệm vụ bảo vệ này chủ yếu là con em các dân tộc Việt Bắc. Có thể khẳng định, căn cứ địa An toàn khu Việt Bắc được bảo vệ an toàn là nhờ công sức to lớn của nhân dân Thái Nguyên và Tuyên Quang [5, tr. 148].

Trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, sau khi quân Pháp nhảy dù Bắc Kạn, để ngăn chặn cuộc tấn công của quân địch vào ATK Trung ương, quân và dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đã thực hiện tốt công tác tiêu thổ kháng chiến, tích cực thực hiện vườn không nhà trống, sơ tán vào rừng, cất giấu lương thực, gia súc, tài sản, kiên quyết không để cho chúng lợi dụng khi tấn công vào địa bàn. Một trong những việc làm có ý nghĩa to lớn của quân và dân Thái Nguyên, Tuyên Quang trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến đó là đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đường và bảo vệ an toàn tuyệt đối với cơ quan đầu não kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Chính phủ, Quốc hội như: Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Võ Nguyên Giáp... [6, tr. 57].

Là một căn cứ địa cách mạng được hình thành từ rất sớm, có đầy đủ các yếu tố về thiên thời, địa lợi, nhân hòa nên Thái Nguyên, Tuyên Quang sớm trở thành nơi khai sinh và đứng chân của nhiều binh đoàn chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 5/1947, Bộ Tổng tham mưu triệu tập hội nghị xây dựng lực lượng tại Phú Minh (Đại Từ - Thái Nguyên), lực lượng chủ lực những ngày đầu thành lập chỉ có 2 trung đoàn bộ binh 147, 165 và 4 tiểu đoàn độc lập 11, 18, 160, 223 trong đó có rất nhiều chiến sĩ là người Thái Nguyên, Tuyên Quang. Như vậy, Thái Nguyên và Tuyên Quang đã trở thành cái nôi để huấn luyện, đào tạo lực lượng vũ trang của Quân đội ta. Từ đây các quân đoàn lên đường thực hiện nhiệm vụ các chiến dịch, sau mỗi trận đánh họ lại trở về các bản làng nơi đây, nhận được sự đùm bọc, chăm sóc chu đáo, tận tình của nhân dân Thái Nguyên, Tuyên Quang, gắn kết tình quân dân như cá với nước [7, tr. 96].

Năm 1950 Đảng và Chính phủ thực hiện cải cách giáo dục, con em đồng bào các dân tộc Tuyên Quang và Thái Nguyên đã hưởng ứng mạnh mẽ nền giáo dục dân chủ nhân dân, góp phần quan trọng vào việc mở rộng việc thực hiện chính sách cải cách giáo dục đến các địa phương khác trong cả nước. Công tác tuyên truyền thời sự, chính sách của Đảng và Chính phủ được bà con nhân dân phổ biến rộng rãi đến mọi người dân trong các làng bản. Những tờ báo tường, báo in, tạp chí, bản nhạc có mặt trên khắp nẻo đường kháng chiến, nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, Chính phủ cũng như quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta.

Ngoài ra, Thái Nguyên và Tuyên Quang là nơi diễn ra nhiều sự kiện và đưa ra nhiều quyết định quan trọng của Đảng liên quan đến cách mạng Việt Nam, cũng như bước đầu thực hiện các chủ trương, chính sách trước khi áp dụng rộng rãi trong cả nước. Tháng 2/1951, Đại hội lần thứ II của Đảng được tổ chức thành công tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang); Sắc lệnh 78/SL giảm tô được ban hành và thực hiện năm 1949; Thái Nguyên và Tuyên Quang là nơi đầu tiên thử nghiệm chính sách thuế nông nghiệp (5/1951) và xây dựng đời sống văn hóa mới; Thái Nguyên cũng là địa phương thực hiện thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã huyện Đại Từ (11/1953), cũng như quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1953 và năm 1954 để đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

3.2.2. Đóng góp của nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang đối với việc xây dựng căn cứ địa Việt Bắc

Sau khi các địa phương của hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang được lựa chọn làm nơi xây dựng ATK của Trung ương, các cơ quan đầu não được di chuyển về đây để tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp "kháng chiến, kiến quốc" trong cả nước. Nhận thức được tầm quan trọng của địa phương trong sự nghiệp "kháng chiến, kiến quốc", nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đã ra sức sản xuất, mua sắm nông cụ, trâu bò, mở rộng diện tích canh tác đáp ứng nhu cầu hậu cần ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Ngoài ra, nhiều nơi đồng bào còn ủng hộ các cơ quan, xí

nghiệp, đơn vị bộ đội ruộng đất, trâu bò, nông cụ để tăng gia sản xuất. Cùng với đó, quần chúng nhân dân còn tích cực ủng hộ, giúp đỡ, tiếp tế cho bộ đội lương thực, thực phẩm để yên tâm chiến đấu. Nhân dân tích cực tham gia phong trào “Toàn dân đóng góp lương thực, thực phẩm”, lập “Hũ gạo nuôi quân”, “Bán thóc khao quân”. Sau mỗi vụ mùa, nhân dân thường giấu thóc gạo vào các ống tre, nứa hoặc giấu dưới rơm để dành cho bộ đội [8, tr. 16]. Hình ảnh đồng bào dùng những ruột tượng nhỏ buộc vào mình để tiếp tế cho bộ đội và cán bộ, hay những bà mẹ đi làm giấu cơm và thức ăn vào các hốc đá hay gốc cây để tiếp tế cho bộ đội trở nên phổ biến. Việc đảm bảo thông tin, bảo vệ cán bộ cách mạng được nhân dân thực hiện nghiêm túc. Khi địch đổ quân tiến hành càn quét ở Yên Định (Đại Từ - Thái Nguyên) năm 1947, nhân dân đã giúp đỡ bộ đội và các cơ quan di chuyển lên vùng cao để tránh bị lộ, bị bắt cũng như bắt được những tên Việt gian vào do thám an toàn khu. Hưởng ứng cuộc vận động “mùa đông binh sĩ” nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang đã hăng hái tham gia giúp đỡ, ủng hộ bộ đội với khẩu hiệu “Mỗi làng 2 áo trấn thủ, 2 chăn bộ đội”... Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng với tinh thần yêu nước, tấm lòng yêu quý bộ đội, nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đã hăng hái tự nguyện góp súng kíp, cung nỏ, quần áo, chăn màn, lương thực để nuôi dưỡng và trang bị cho bộ đội, dân quân, du kích [9, tr. 81].

Trong quá trình xây dựng An toàn khu Trung ương, nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang đã đóng góp sức người, sức của với những ngày công lao động và các nguyên liệu như: tranh tre, gỗ, nứa, luồng mai, vầu, lá cọ, vải... để xây dựng nơi ở và làm việc cho các cơ quan đầu não kháng chiến và các cơ quan, kho tàng, công binh xưởng. Nhiều gia đình và đồng bào đã nhường nhà ở và nhận nuôi bộ đội đóng quân trên địa bàn. Hầu hết các bản đều có các cơ quan kháng chiến, vấn đề lương thực, hậu cần được đồng bào phụ trách, công tác an ninh, giữ gìn bí được đảm bảo tuyệt đối [2, tr. 20].

Từ khi kháng chiến diễn ra cho đến khi kháng chiến giành được thắng lợi, các cơ quan Trung ương, các công xưởng, xí nghiệp, các đơn vị quân đội... luôn nhận được sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Thái Nguyên, Tuyên Quang. Đồng bào đã tích cực giúp bộ đội làm lán trại, kho xưởng, đào hầm hào... Các cụ già, trẻ em làm giao thông liên lạc, tuần tra canh gác cho cơ quan, cán bộ. Những cơ sở rèn đúc của nhân dân địa phương đã cung cấp một phần vũ khí cho kháng chiến. Việc giữ bí mật của những con đường mòn nhỏ lẩn khuất trong rừng già, ven suối luôn được nhân dân giữ kín và canh gác nghiêm ngặt. Mạng lưới giao thông đường mòn nối liền các huyện của Thái Nguyên với các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa của Tuyên Quang rộng hơn 3.000 km² được hình thành [5, tr. 147].

Cùng với việc lựa chọn Thái Nguyên, Tuyên Quang để xây dựng An toàn khu Trung ương, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh thực hiện “du kích chiến”. Các già làng, trưởng bản đã tổ chức vận động thanh niên tham gia bộ đội. Khắp các bản làng, đồng bào các dân tộc hăng hái tham gia xây dựng các đội du kích. Nhân dân nêu cao quyết tâm giết giặc giữ làng, giữ bản, xóa bỏ các chính sách như thành lập các xứ giả hiệu. Sự tham gia tích cực của đồng bào giúp cho nhiều cơ sở cách mạng trước kia bị địch chiếm và càn quét nay được khôi phục, trở thành căn cứ địa kháng chiến. Trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang, rất nhiều thanh niên đồng bào các dân tộc ở Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương của Thái Nguyên cũng như Yên Sơn, Chiêm Hóa của Tuyên Quang tham gia. Đây là những người am hiểu tình hình, đặc điểm từng địa bàn cũng như phong tục, tập quán, tâm lý của đồng bào, điều này tạo điều kiện thuận lợi vận động nhân dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang. Nhiều thanh niên dân tộc Tày, Nùng đã chủ động chế tạo các vũ khí thô sơ, gần gũi với cuộc sống hằng ngày của nhân dân và hướng dẫn mọi người sử dụng. Ngoài ra họ cũng tích cực học hỏi để biết cách đào, phá bom mìn do máy bay Pháp ném xuống để lấy thuốc nổ làm đạn súng kíp, lựu đạn hoặc mìn để đánh giặc. Nhờ sự ủng hộ tích cực của nhân dân, lực lượng vũ trang không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển. Trong quá trình đấu tranh đã xuất hiện nhiều anh hùng, chiến sĩ bộ đội, du kích, dân công tiêu biểu như: Lý Viết Va người dân tộc Tày, năm 1947 Pháp cho quân nhảy dù xuống La Hiên - Võ Nhai, Lý Viết Va bị lọt vào

vòng vây của kẻ thù, thực dân Pháp ném lựu đạn xuống hầm, lựu đạn chưa nổ anh đã bình tĩnh nhặt lựu đạn ném trở lại quân Pháp. Lý Viết Va trở thành tấm gương sáng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược [9, tr. 80].

Trong cuộc hành quân Lêa (ngày 28/11/1947), quân Pháp tập trung lực lượng tấn công lên Định Hóa nhằm triệt phá ATK Trung ương, lung lay cơ quan đầu não kháng chiến và tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta. Trước sự tấn công của quân Pháp, dân quân du kích huyện Định Hóa đã chặn đánh địch ở Đồng Thịnh, Yên Thông, Bãi Cọ, tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên địch, làm thất bại cuộc hành quân của Pháp. Bị chặn đánh liên tiếp, Pháp chia lực lượng thành 2 mũi, một mũi qua đường Tuyên Quang tấn công vào xã Phú Đình, một mũi tấn công lên xã Điem Mặc. Cả hai mũi tấn công của Pháp đều bị lực lượng du kích huyện Định Hóa và Võ Nhai đánh bại, đặc biệt đó là trận đánh ở Rục Giã. Tại Đại Từ và Sơn Dương, ngày 2/12/1947, bộ đội chủ lực và du kích địa phương đã phục kích một trung đoàn của Pháp, tiêu diệt 30 tên và làm bị thương nhiều lính Pháp. Thắng lợi của quân và dân Thái Nguyên, Tuyên Quang có ý nghĩa to lớn, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ an toàn cho cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như góp phần vào làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp [9, tr. 83].

Khi chiến dịch Biên giới Thu Đông diễn ra (9/1950) và giành được thắng lợi (10/1950), cơ quan Bộ Tổng tham mưu chuyển về Đồng Đậu thuộc xã Định Biên (Định Hóa - Thái Nguyên). Tại đây, nhờ sự giúp đỡ của nhân dân nơi đóng quân, đời sống của cơ quan được cải thiện thêm một phần đáng kể. Chỗ ở và nơi làm việc được kiên cố, sửa chữa và mở rộng hơn. Phong trào văn hóa, văn nghệ được nâng cao. Các ngày lễ, ngày tết nhân dân và bộ đội đều tổ chức liên hoan, diễn kịch, ca hát, báo tường... Các hàng rào bảo vệ, các trạm canh gác, che chắn cho cơ quan quân sự tối cao và đại đoàn chủ lực được nhân dân thường xuyên giúp đỡ và báo tin [10, tr. 72-73].

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, với khẩu hiệu “tất cả cho tiền tuyến”, “tất cả để chiến thắng”, nhân dân Việt Bắc nói chung, nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang nói riêng đã huy động đến mức cao nhất nhân tài, vật lực cho chiến dịch. Toàn khu đã có 35.000 lượt người đi dân công hỏa tuyến. Nhiều gia đình cả ba thế hệ cùng ra trận. Trên các nẻo đường từ Thái Nguyên, Tuyên Quang lên Điện Biên, các đoàn dân công ngày đêm gồng gánh, dắt ngựa thồ, đẩy xe đạp vận chuyển khí tài, lương thực ra mặt trận. Đồng bào đã tự nguyện quyên góp tiền mua hơn 6.000 chiếc xe đạp để làm xe thồ cho mặt trận. Nhiều sáng kiến vận chuyển được áp dụng cho năng suất thồ từ vài chục kilôgam lên trung bình 2,5 tạ trên một chuyến, có kiện tương thồ người Thái Nguyên đạt 3,6 tạ trên một chuyến liên tục trong mấy tháng liền. Nhân dân cũng huy động được 229 tấn gạo trong tổng số 25.056 tấn gạo, 454 tấn thịt trong tổng số 907 tấn thịt và hàng trăm tấn các loại lương thực, thực phẩm khác phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ [11, tr. 419].

4. Kết luận

Như vậy, đứng trước yêu cầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, căn cứ địa Việt Bắc từng bước được xây dựng và phát triển. Trong đó, một số địa phương của tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang được lựa chọn để xây dựng ATK Trung ương. Từ năm 1945 đến năm 1954, Thái Nguyên và Tuyên Quang giữ vai trò là Thủ đô kháng chiến; nơi sinh hoạt, làm việc của các cơ quan đầu não kháng chiến; thực thi các chính sách của Đảng và Chính phủ; cũng như diễn ra nhiều sự kiện, quyết định quan trọng của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. Nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang đã đóng góp to lớn sức người, sức của để chiến đấu, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng, đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu về lương thực, thực phẩm, vũ khí, thuốc men, đạn dược... đối với cuộc kháng chiến. Những đóng góp và vai trò của nhân dân hai tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang là cơ sở quan trọng để toàn Đảng, toàn quân và nhân dân ta đứng lên đấu tranh giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] X. M. Nguyen, *Central Safety Zone (ATK) in Viet Bac during the resistance war against the French (1945 - 1954)*, Hanoi National University Publishing House, Hanoi, pp. 271-297, 2009.
- [2] T. Hoang, *Thai Nguyen - Tuyen Quang, the center of the national base of the resistance against the French, Uncle Ho and Thai Nguyen*, National Political Publishing House - Truth, Hanoi, pp. 19-20, 2016.
- [3] M. H. Nguyen, "Strategic vision of the Party Central Committee and Ho Chi Minh, in choosing Tuyen Quang as a revolutionary base, the foothold of the resistance leadership agency," *Journal of Party History*, vol. 1, pp. 10-15, 2021.
- [4] T. T. T. Bui, "Safety of Dinh Hoa area during the Dien Bien Phu campaign in 1954," *Journal of Party History*, vol. 1, p. 85, 2020.
- [5] M. H. Le, *Viet Bac with the Safe Zone in the early days of national resistance, Uncle Ho and Thai Nguyen*, National Political Publishing House - Truth, Hanoi, pp. 146-148, 2016.
- [6] T. T. H. Tran, "Thai Nguyen in the August Revolution and the resistance against the French colonialists," *Journal of Party History*, vol. 7, p. 57, 2015.
- [7] M. D. Ho, "Building a main force in the resistance war against the French colonialists (1946 - 1954)," *Journal of Party History*, vol. 2, p. 96, 2019.
- [8] T. Q. Nguyen, "Thai Nguyen's role in building and defending the Viet Bac base from the National Resistance War to Fall - Winter 1947," *Proceedings of Thai Nguyen Scientific Conference during the Viet Bac Victory - Autumn-Winter 1947*, Thai Nguyen University Press, Thai Nguyen, 2017, p. 16.
- [9] T. D. H. Nguyen, "Contributions of ethnic minorities in Thai Nguyen to the Viet Bac Autumn-Winter campaign in 1947," *Proceedings of the Thai Nguyen Scientific Conference in the Victory over the Viet Bac - Autumn-Winter 1947*, Publisher Thai Nguyen University version, Thai Nguyen, 2017, pp. 80-83.
- [10] V. D. Dang, "Thai Nguyen with the 1950 Autumn-Winter Border Campaign," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 201, no. 8, pp. 72-73, 2019.
- [11] B. K. Nguyen, *From Viet Bac to the historic victory of Dien Bien Phu, Uncle Ho and Thai Nguyen*. National Political Publishing House - Truth, Hanoi, p. 419, 2016.